



gè r
个儿

noun · size

Example Sentences

zhè gè píng guǒ gè r hěn dà
这个苹果个儿很大。

This apple is very big in size.

tā gè r bù gāo dàn pǎo de hěn kuài
他个儿不高，但跑得很快。

He is not tall in size, but runs very fast.

zhè xiē jī dàn gè r jūn yún shì hé zuò dàn gāo
这些鸡蛋个儿均匀，适合做蛋糕。

These eggs are uniform in size, suitable for making cake.

Trace each character, then write the word on your own.

个	个	个	个	个	个															
儿	儿	儿	儿	儿																